

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày 27-9-2023
"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nay Phen.
- Ông Ksor Nhan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Chính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm -Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Đ**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đoàn Quang H**, sinh năm 1973; địa chỉ: 104 H, Cư H, E, Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị Th**, sinh năm 1966.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã K, huyện Ia, tỉnh G.

Chỗ ở hiện tại: Thôn 4 (trước đây là thôn Kliếc), xã P, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện Kb, tỉnh G. Địa chỉ liên hệ: Số 81 L, phường P, thành phố Pl, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Quang H trình bày:*

Bà Phan Thị Th (tên thường gọi là Th) là chủ Doanh nghiệp tư nhân T (không có đăng ký kinh doanh) chuyên mua bán nông sản trên địa bàn xã P, huyện Ia, tỉnh G. Bà Th có một Trạm cân điện tử và sân kho đặt tại Thôn 4, xã P, huyện Ia (đường đi huyện M, cách ngã ba Kliếc khoảng 200m). Giữa ông Huỳnh Đ và bà Phan Thị Th có quan hệ quen biết và làm ăn, mua bán tài sản (củ mỳ) với nhau từ năm 1998 đến năm 2021. Do hai bên đã mua bán với nhau trong thời gian dài nên rất tin tưởng lẫn nhau, việc thỏa thuận mua bán tài sản với nhau không được lập thành hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Về hình thức làm ăn, mua bán với nhau là ông Đ đứng ra thu mua gom củ mỳ của người dân trên địa bàn xã sau đó bán lại cho bà Th tại bàn cân của bà Th. Mỳ có thể được gia đình ông Đ trực tiếp sản xuất ra hoặc được ông Đ thu mua của người dân sau đó tập kết thành đống để tiện cho việc vận chuyển, nếu số lượng nhiều thì bà Th sẽ đưa xe hoa mai và máy xúc của gia đình bà Th đến xúc củ mỳ lên xe chở về bàn cân của bà Th để cân (xe do người nhà bà Th lái), nếu khối lượng ít thì ông Đ dùng xe độ của gia đình hoặc thuê xe công nông của người đồng bào chở về bàn cân của bà Th. Sau khi cân mỳ tại bàn cân của bà Th thì bà Th sẽ xuất phiếu cân xe theo từng xe để làm căn cứ thanh toán tiền với ông Đ. Mỳ sau khi cân được đổ xuống bãi tập kết tại sân kho của bà Th ngay cạnh bàn cân, sau đó bà Th bán lại cho các thương lái khác. Giá cả mua bán do hai bên thỏa thuận theo giá của thị trường tại thời điểm cân mỳ. Việc thanh toán tiền trên cơ sở phiếu cân xe nên phiếu cân xe có đầy đủ các thông tin về loại hàng, tên khách hàng, trọng lượng mỳ, trọng lượng xe, ngày cân, đơn giá, thành tiền (số tiền phải thanh toán),...

Về hình thức thanh toán: Thông thường đối với xe có trọng lượng lớn thì sau khi cân mỳ xong bà Th sẽ thanh toán luôn bằng tiền mặt, cũng có thể thanh toán sau 4 đến 5 ngày kể từ khi xuất phiếu cân xe. Còn đối với xe nhỏ có trọng lượng từ 4 đến 5 tấn/xe như xe cọc cách độ chế, xe công nông thì hai bên thống nhất dồn nhiều phiếu thanh toán một lần (mỗi lần từ 4 đến 5 phiếu cân). Ban đầu bà Th thanh toán tiền rất sòng phẳng và đầy đủ nên hai bên rất tin tưởng nhau, các phiếu cân xe đã được thanh toán thì bà Th đều đóng dấu “DNTN THẠNH THU ĐÃ TRẢ TIỀN” vào giữa phiếu để phân biệt với các phiếu chưa trả tiền.

Tuy nhiên đến tháng 3 và tháng 4 năm 2021 thì có 05 phiếu cân xe bà Th đã mua mỳ nhưng chưa thanh toán tiền cho ông Đ, cụ thể:

- Phiếu cân xe ngày 28/3/2021 ông Đ bán cho bà Th 1.766 kg củ mỳ khô, giá 5.200 đồng/kg, thành tiền là 9.183.200 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 30/3/2021 ông Đ bán cho bà Th 1.574 kg củ mỳ tươi, giá 5.200 đồng/kg, thành tiền là 8.184.800 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà Th 7.850 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 41.605.000 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà Th 9.330 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 49.449.000 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà Th 8.163 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 43.263.000 đồng.

Tổng số tiền mỳ bà Phan Thị Th còn nợ là **151.685.900** đồng. Ông Đ đã đi đòi nhiều lần nhưng bà Th không chịu trả.

Nay ông Huỳnh Đ yêu cầu bà Phan Thị Th phải trả tổng số tiền mua mỳ theo 05 phiếu cân xe còn nợ là 151.685.900 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* *Về phía bị đơn bà Phan Thị Th:* Tại Đơn trình bày và yêu cầu đề ngày 18/6/2022 (gửi qua đường bưu điện) bà Th cho rằng đơn khởi kiện của ông Huỳnh Đ là không đủ điều kiện để Tòa án thụ lý bởi vì ông Đ khởi kiện cung cấp chứng cứ là bản phô tô 05 phiếu cân xe, phiếu cân xe chỉ thể hiện giao dịch dân sự mỗi lần cân tối đa là 100.000 đồng, tổng cộng ước tính khoảng gần 500.000 đồng, số tiền này bên yêu cầu cân hàng phải thanh toán cho bà Th xong họ giữ để đi giao trọng lượng hàng cho khách. Để đòi bà Th thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 168.309.900 đồng theo yêu cầu khởi kiện thì ông Đ phải có nghĩa vụ chứng minh có giao dịch, giao kết dân sự với bà Th đúng với số tiền khởi kiện. Bà Th yêu cầu Tòa án kiểm tra lại tính pháp lý đối với nội dung đơn khởi kiện của ông Đ. Do đó bà Th không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đơn khởi kiện của ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc ông Huỳnh Đ khởi kiện đòi tiền nhưng không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, bà Th cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của

mình như không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho chính mình; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ, buộc bà Phan Thị Th phải trả cho ông Huỳnh Đ tổng số tiền **188.994.058** đồng, trong đó: Số tiền mua mỳ còn nợ là **151.685.900** đồng và tiền lãi chậm thanh toán là **37.308.158** đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Phan Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Huỳnh Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Th, cư trú tại thôn 1, xã K, huyện Ia, tỉnh G phải trả số tiền mua mỳ còn nợ nên khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”. Xét thấy, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là tiền nợ phát sinh trong quá trình mua bán tài sản với nhau (củ mỳ) nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định nói trên, Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về việc triệu tập và xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Phan Thị Th, kết quả thể hiện: Bà Th có đăng ký HKTT và có nhà ở tại Thôn 1, xã K, huyện Ia, tỉnh G, tuy nhiên bà Th ít khi về nhà mà thường xuyên sinh sống và buôn bán ở trạm cân tại thôn 4, xã P, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Tại Đ trình bày và yêu cầu đề ngày 18/6/2022 (gửi qua đường bưu điện cho Tòa án) bà Th ghi địa chỉ liên lạc 79A T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Th theo địa chỉ liên lạc (79A Tôn Thất Tùng, thành phố Pleiku) và niêm yết văn bản tố tụng tại các địa chỉ Thôn 1, xã Kim Tân và thôn 4, xã Pờ Tó theo đúng quy định tại các Điều 171, 173, 174 và 179 của BLTTDS. Tuy nhiên bà Th đều không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Th và người đại diện

theo ủy quyền của bà Th là bà Trương Thị H cũng đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về giao dịch mua bán tài sản giữa ông Huỳnh Đ và bà Phan Thị Th:

Nguyên đơn ông Huỳnh Đ trình bày giữa ông và bà Phan Thị Th có quan hệ làm ăn, mua bán tài sản (củ mỳ) với nhau từ năm 1998 đến năm 2021. Do tin tưởng lẫn nhau nên việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có hợp đồng. Ban đầu bà Th thanh toán tiền rất sòng phẳng và đầy đủ, các phiếu cân xe đã được thanh toán đều được bà Thu đóng dấu “DNTN THANH THU ĐÃ TRẢ TIỀN”. Tuy nhiên hiện còn 05 phiếu cân xe bà Th đã mua mỳ nhưng chưa thanh toán tiền cho ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã cung cấp cho Tòa án bản gốc 05 phiếu cân xe thể hiện số tiền mua mỳ bà Th còn nợ, chưa thanh toán là 151.685.900 đồng và bản gốc 04 phiếu cân xe thể hiện các lần mua mỳ trước đó bà Th đã thanh toán tiền. Về phía bị đơn, tại Đơn trình bày và yêu cầu đề ngày 18/6/2022 bà Phan Thị Th cho rằng 05 phiếu cân xe do ông Đ cung cấp chỉ thể hiện giao dịch dân sự mỗi lần cân tối đa là 100.000 đồng (cân dịch vụ lấy tiền), bà Th không thừa nhận có giao dịch, mua bán và nợ tiền ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Th cư trú và nơi bà Th thường xuyên tiến hành hoạch động mua bán nông sản, đồng thời xác minh một số người dân ở địa phương về công việc, nghề nghiệp từ trước đến nay của bà Phan Thị Th, kết quả xác minh đều thể hiện: Bà Phan Thị Th, có tên thường gọi là Thu Thạnh (chồng bà Thu là Nguyễn Văn Thạnh) từ trước đến nay làm nghề mua bán nông sản trên địa bàn huyện Ia Pa, chủ yếu là xã Pờ Tó. Bà Th có sở hữu một trạm cân điện tử cùng với mặt bằng làm sân kho đặt tại thôn 4, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Về hình thức mua bán nông sản và thanh toán tiền của bà Th đối với người dân cơ bản giống như ông Huỳnh Đ đã trình bày, đó là mua bán nông sản tại bàn cân của bà Th, sau khi cân xe xong thì bà Th xuất phiếu cân xe, giá cả hai bên thỏa thuận tại thời điểm mua bán và được thể hiện trên phiếu cân cùng với trọng lượng hàng và số tiền phải thanh toán. Bà Th thanh toán tiền mua nông sản cho người dân trên cơ sở phiếu cân xe do trạm cân của bà Th xuất ra. Xem xét các nội dung, thông tin tại 09 phiếu cân xe (trong đó có 05 phiếu cân xe ông Đ cho rằng bà Th chưa thanh toán tiền) do ông Huỳnh Đ cung cấp thể hiện: Các phiếu cân xe đều thể hiện các nội dung, thông tin sau: Loại hàng: Mì khô hoặc củ mỳ tươi; tên khách hàng: Bác Đờn; số xe; trọng lượng xe và hàng; trọng lượng xe; trọng lượng hàng; trọng lượng trừ bì; tạp chất; trọng lượng thực tế; ngày giờ; kiểu cân: Nhập hàng; đơn giá và thành tiền. Các phiếu cân xe đều có đóng dấu “PHAN THỊ THU, KLiếc A-Pờ Tó-Ia Pa-Gia Lai, ĐT: 0984.608.573” thể hiện thông tin họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của bà Th trong việc mua bán nông sản.

Điều này thể hiện các phiếu cân xe được xuất khi trạm cân của bà Th thực hiện hoạt động thu mua nông sản mà không phải là cân thuê nông sản cho khách hàng như bà Th trình bày. Đặc biệt, có 04 phiếu cân xe theo ông Đ cho biết bà Th đã thanh toán tiền cho ông nên được đóng dấu “DNTN THANH THU ĐÃ TRẢ TIỀN”, điều này thể hiện việc bà Phan Thị Th đã nhiều năm thực hiện việc mua bán nông sản, biết đề phòng và lường trước các tình huống có thể phát sinh tranh chấp, khiếu kiện về sau trong quá trình thu mua nông sản của mình. Xét thấy, tuy giữa ông Huỳnh Đ và bà Phan Thị Th không có hợp đồng mua bán tài sản với nhau nhưng căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập của Tòa án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa ông Đ và bà Th có giao kết thỏa thuận mua bán tài sản (củ mỳ) với nhau theo như ông Đ trình bày là đúng sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị Th không thừa nhận có thỏa thuận giao dịch mua bán với ông Đ, theo bà Th thì 05 phiếu cân xe do ông Đ cung cấp chỉ thể hiện giao dịch dân sự mỗi lần cân tối đa là 100.000 đồng, tổng cộng ước tính khoảng gần 500.000 đồng, số tiền này bên yêu cầu cân hàng (tức ông Đ) phải thanh toán cho bà Th xong họ giữ để đi giao trọng lượng hàng cho khách. Xét thấy, ý kiến nêu trên của bà Th là không có cơ sở để chấp nhận bởi vì từ trước đến nay bà Th hành nghề mua bán nông sản ở địa phương, có trạm cân và sân kho phục vụ cho việc mua bán của mình, nội dung các phiếu cân xe nêu trên đều phù hợp với công việc mua bán nông sản hàng ngày của bà Th. Mặt khác, nếu bà Th cho rằng chỉ thực hiện việc cân dịch vụ (cân thuê) theo yêu cầu của ông Đ để lấy tiền thì tại sao trong phiếu cân xe lại có các thông tin về tên khách hàng: Bác Đờn; kiểu cân là: Nhập hàng; đơn giá (giá mua bán) và thành tiền (số tiền cụ thể phải thanh toán cho người bán) và nếu chỉ cân dịch vụ để lấy tiền của ông Đ thì tại sao trong phiếu cân xe lại phải đóng dấu “DNTN THANH THU ĐÃ TRẢ TIỀN” đây là điều vô lý và có mâu thuẫn với chính ý kiến của bà Phan Thị Th đã trình bày.

Xét thấy, các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán:

Theo nội dung 05 phiếu cân xe do ông Huỳnh Đ cung cấp thể hiện tổng số tiền mua mỳ bà Phan Thị Th còn nợ ông Đ là 151.685.900 đồng. Ông Đ đã đi đòi nhiều lần nhưng bà Th không chịu trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn ông Huỳnh Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Th phải có nghĩa vụ trả số tiền 151.685.900 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Đ yêu cầu bà Phan Thị Th phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 151.685.900 đồng với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo quy định khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*”. Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”.

Xét thấy, bị đơn bà Phan Thị Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tại thời điểm giao kết hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), tính từ ngày 08/4/2021 (ngày tiếp theo của ngày xuất phiếu cân xe sau cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 và khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Thời gian tính lãi từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/9/2023, số tiền lãi được xác định là: số tiền chậm trả là 151.685.900 đồng x thời gian chậm trả là 02 năm 05 tháng 19 ngày x 0,83%/tháng = 37.308.158 đồng.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ. Buộc bà Phan Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Đ tổng số tiền 188.994.058 đồng, trong đó: tiền mua mì còn nợ là 151.685.900 đồng đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 37.308.158 đồng.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn bà Phan Thị Th cho rằng không có giao dịch mua bán với ông Huỳnh Đ nên không đồng ý trả cho ông Đ số tiền 151.685.900 đồng. Xét thấy ý kiến trình bày nêu trên của bà Th là không có căn cứ và không phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Hội đồng xét xử đã nhận định, đánh giá, phân tích ở trên. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà Th cam mý thuê cho ông Đ, không phải là có quan hệ mua bán với ông Đ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 9.449.702 đồng (188.994.058 đồng x 5% = 9.449.702 đồng). Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp

nhận nên bị đơn bà Phan Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 9.449.702 đồng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Đ là đối tượng được miễn nộp án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ đối với bà Phan Thị Th.

Buộc bà Phan Thị Th phải trả cho ông Huỳnh Đ tổng số tiền **188.994.058** đồng (một trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn không trăm năm mươi tám đồng), trong đó: Số tiền mua mỳ còn nợ là **151.685.900** đồng (một trăm năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là **37.308.158** đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 9.449.702 đồng (chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm linh hai đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với

đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Thắng

